

Bản án số: 75/2026/HS-ST

Ngày: 07-05-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐIỆN BIÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc Loan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Phương Hoa, bà Vũ Thị Kim Ngân.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Thúy Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Điện Biên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Điện Biên tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 05 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Điện Biên xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 82/2026/TLST-HS ngày 14 tháng 04 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2026/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 04 năm 2026 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **Quàng Văn T**; Tên gọi khác: Không có tên gọi khác; Sinh ngày: 12/04/1977 tại Điện Biên; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở trước khi bị bắt: Bản S, xã N, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Nông nghiệp; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Quàng Văn H (đã chết) và con bà Quàng Thị B, sinh năm 1954; có vợ là Lò Thị K, sinh năm 1983; bị cáo có 04 người con; con lớn nhất sinh năm 2002; con nhỏ nhất sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Ngày 12/01/2022, bị cáo bị Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 18 tháng. Ngày 15/6/2023 chấp hành xong.

- Ngày 20/6/2023, Chủ tịch UBND xã K, huyện Đ, tỉnh Điện Biên ra Quyết định quản lý sau cai nghiện ma túy đối với bị cáo Quàng Văn T. Ngày 21/6/2025, T chấp hành xong quyết định.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/01/2026 cho đến ngày xét xử; Hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam M, Công an tỉnh Đ; “Có mặt”.

2. *Người bào chữa cho bị cáo Quàng Văn T:*

Bà Nguyễn Thị Thu H1 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đ. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Quảng Văn T1, sinh năm 1978. Địa chỉ: Bản S, xã N, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt không có lý do.
- Bà Lò Thị K, sinh năm 1983. Địa chỉ: Bản S, xã N, tỉnh Điện Biên. Có mặt.
- Bà Quảng Thị T2, sinh năm 2002. Địa chỉ: Bản N, xã T, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 16/01/2026, bị cáo T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 27B2-264.93 từ nhà ở bản S, xã N, tỉnh Điện Biên đến khu vực đường thuộc bản P, xã P, tỉnh Điện Biên, mục đích tìm mua Heroine về sử dụng và bán. Tại đây, bị cáo gặp và mua được của một người đàn ông dân tộc Mông, khoảng 36 tuổi (không biết tên địa chỉ) 01 gói Heroine với giá 1.000.000 đồng. Mua xong, bị cáo cất gói H2 vào túi áo khoác bên phải đang mặc rồi điều khiển xe về nhà mở gói Heroine vừa mua, dùng tay cầu một ít Heroine sử dụng hết bằng hình thức hít. Số Heroine còn lại T chia thành 02 phần, dùng mảnh nilon màu hồng gói lại thành 02 gói rồi cho cả 02 gói vào một mảnh nilon màu hồng gói lại, cất giấu dưới đệm giường ngủ của bị cáo. Khoảng 17 giờ ngày 17/01/2026, khi bị cáo đang ở nhà thì ông Quảng Văn T1, trú tại bản Sam Măn A, xã N, tỉnh Điện Biên đến hỏi mua 100.000 đồng Heroine, bị cáo nhận tiền rồi lấy gói Heroine cất dưới đệm giường ngủ mở ra cầu một cục Heroine đưa cho ông T1. Số Heroine còn lại, bị cáo gói lại như cũ cất dưới đệm giường ngủ. Mua được ma túy, ông T1 đi bộ ra khu vực bờ suối thuộc bản Sam Măn A, xã N, tỉnh Điện Biên sử dụng hết số Heroine bằng hình thức hít.

Từ ngày 17 đến ngày 19/01/2026, bị cáo đã nhiều lần lấy gói Heroine ra sử dụng bằng hình thức hít. Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 19/01/2026, bị cáo lấy gói Heroine cất giấu trước đó ra cầm ở tay trái và điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 27B2-264.93 để đi xem nương sắn. Hồi 11 giờ 50 phút cùng ngày, khi bị cáo đi đến khu vực đường thuộc bản S, xã N, tỉnh Điện Biên thì bị tổ công tác phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy phối hợp với Công an xã N, tỉnh Điện Biên phát hiện, bắt quả tang thu giữ tại tay trái của T 01 gói nilon màu hồng, bên trong có 02 gói nilon màu hồng đều chứa Heroine có khối lượng 1,92 gam.

Tại Kết luận giám định số: 98/KL-KTHS, ngày 26/01/2026 của Phòng K1 - Công an tỉnh Đ (BL 52) kết luận: Mẫu gửi giám định thu giữ của Quảng Văn T có khối lượng 1,92 gam là chất ma túy: Loại H (H).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Quảng Văn T1 khai:

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 17/01/2026 ông T1 đi bộ một mình từ nhà tại bản S, xã N, tỉnh Điện Biên, mục đích tìm mua heroine để sử dụng, khi đi mang theo 100.000 đồng. Ông T1 đi đến nhà T ở cùng bản Sam Măn A, xã N, ông T1

đi lên nhà T và hỏi T "có heroine không bán cho anh một trăm nghìn đồng", T trả lời "có đưa tiền đây", sau đó ông T1 lấy 100.000 đồng trong người đưa cho T, T cầm lấy tiền T1 đưa rồi đi vào trong giường ngủ, một lúc sau T quay lại và đưa cho ông T1 01 cục H3 không được gói. Ông T1 cầm số Heroine T3 đưa ở tay phải rồi đi ra khỏi nhà T3, sau đó T3 làm gì ông T1 không biết. Ông T1 đi đến khu vực bờ suối thuộc bản S, xã N, lấy số Heroine vừa mua được ra, lấy bật lửa và mang theo và mảnh giấy bạc nhặt ở vỏ bao thuốc lá ở bờ suối và sử dụng hết số Heroine đó bằng hình thức hít, sử dụng xong ông T1 vứt bật lửa và mảnh giấy bạc rồi đi bộ về nhà. Khi ông T1 sử dụng Heroine tại bờ suối chỉ có một mình, không ai biết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lò Thị K khai:

Bà và Quàng Văn T là vợ chồng, kết hôn năm 2001. Chiếc xe máy biển kiểm soát 27B2-264.93 là của bà mua năm 2021 với giá 20 triệu đồng. Số tiền mua xe là do con gái Quàng Thị T2 cho bà, ông T không có đóng góp tiền trong việc mua xe. Khi bà mua xe ông T không có ở nhà nên không biết việc bà mua xe. Bà không biết việc ông T sử dụng xe máy để phạm tội. Bà đề nghị xem xét trả lại cho bà chiếc xe máy để làm phương tiện đi lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Quàng Thị T2 khai:

Bà Lò Thị K là mẹ của bà, ông Quàng Văn T là bố của bà. Chiếc xe máy biển kiểm soát 27B2-264.93 là của mẹ bà là Lò Thị K mua năm 2021 với giá 20 triệu đồng, số tiền mua xe là đi làm thuê mà có, bà cho mẹ để có phương tiện đi lại, bố bà không có đóng góp gì vào số tiền mua xe. Khi mua xe ông T không có ở nhà. Bà T2 không biết việc ông Quàng Văn T sử dụng xe máy để phạm tội. Bà đề nghị xem xét trả lại cho mẹ bà là Lò Thị K chiếc xe máy nêu trên để mẹ bà có phương tiện đi lại.

Tại Cáo trạng số: 20/CT-VKSKV2 ngày 13/04/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Điện Biên đã truy tố Quàng Văn T về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Kết luận điều tra và Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Điện Biên.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Điện Biên giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Quàng Văn T về tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38/BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025: xử phạt bị cáo Quàng Văn T hình phạt tù 04 năm 06 tháng tù đến 05 năm tù; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định khoản 6 Điều 251/BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 47/BLHS; khoản 2; điểm b khoản 3 Điều 106/BLTTHS:

- Tịch thu, tiêu hủy 1,61 gam Heroine (đã trừ mẫu gửi giám định) và 03 mảnh nilon màu hồng.

- Tịch thu (truy thu) sung ngân sách nhà nước 100.000 đồng của bị cáo Quảng Văn T.

- Trả lại 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, màu xanh đen bạc, BKS 27B2-264.93 cho bà Lò Thị K.

Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Quảng Văn T.

Người bào chữa không có ý kiến tranh luận gì về tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố và luận tội của Kiểm sát viên, đồng thời không có ý kiến khiếu nại gì về các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Đề nghị hội đồng xét xử xem xét đến điều kiện sinh sống của bị cáo, sinh sống ở vùng sâu, vùng xa, thiếu hiểu biết về pháp luật; trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội; bố vợ bị cáo được tặng thưởng huân chương nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định khoản 6 Điều 251/BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025. Áp dụng quy định tại Điều 47/BLHS, Điều 106/BLTTHS để xử lý vật chứng, trả lại xe máy cho bà Lò Thị K và khoản 2 Điều 136/BLTTHS; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Quảng Văn T.

Bị cáo Quảng Văn T nhất trí với nội dung luận tội của Kiểm sát viên, không bổ sung gì lời bào chữa và không có ý kiến tranh luận; Thực hiện lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo

T4 phiên tòa, bị cáo Quảng Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội như sau:

Ngày 17/01/2026, tại nhà ở của mình thuộc bản S, xã N, tỉnh Điện Biên, Quảng Văn T có hành vi bán trái phép 01 gói Heroine cho Quảng Văn T1 thu được 100.000 đồng. Hồi 11 giờ 50 phút ngày 19/01/2026 tại khu vực đường thuộc bản S, xã N, tỉnh Điện Biên Quảng Văn T đã có hành vi cất giấu trái phép trên người 1,92 gam Heroine, mục đích để bản thân sử dụng và bán.

Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với toàn bộ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang (BL 01-02); Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ (BL 03); Biên bản mở niêm phong, xác định khối lượng, lấy mẫu giám định chất ma túy, niêm phong mẫu giám định và niêm phong vật chứng, đồ vật, tài liệu còn lại (BL 46-47); Kết

luận giám định số: 98/KL-KTHS, ngày 26/01/2026 của Phòng K1 - Công an tỉnh Đ (BL 52); lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra (BL 80-99); lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (BL 100-101; 125-126; 129-130; 134-135).

Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo T đã có hành vi cất giấu trái phép trên người 1,92 gam Heroine, mục đích để bản thân sử dụng và bán. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng số: 20/CT-VKSKV2 ngày 13/04/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Điện Biên truy tố bị cáo T là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[2] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo Quảng Văn T là nguy hiểm cho xã hội, mang tính chất nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến chính sách thống nhất quản lý của Nhà nước về chất ma túy. Bị cáo biết rõ hành vi mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích lợi nhuận, bán lẻ để kiếm lời mà bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội của mình. Bị cáo Quảng Văn T là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Quảng Văn T sinh ra và lớn lên tại Điện Biên, được gia đình cho ăn học đến lớp 06/12, sau đó bỏ học ở nhà phụ giúp gia đình. Bị cáo nghiện ma túy, sử dụng ma túy từ năm 2001. Bị cáo có nhân thân xấu. Ngày 12/01/2022, bị cáo bị Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 18 tháng. Ngày 15/6/2023 chấp hành xong. Ngày 20/6/2023, Chủ tịch UBND xã K, huyện Đ, tỉnh Điện Biên ra Quyết định quản lý sau cai nghiện ma túy đối với bị cáo Quảng Văn T. Ngày 21/6/2025, bị cáo chấp hành xong quyết định. Bị cáo Quảng Văn T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt chính:

Từ các phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, lấy đây là bài học cảnh báo chung cho toàn xã hội, phục vụ công tác đấu tranh, ngăn ngừa các loại tội phạm. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Điện Biên về hình phạt chính đối với bị cáo Quảng Văn T.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 6 Điều 251 của Bộ luật hình sự, bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên, theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời

khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng có giá trị. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Điện Biên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và tịch thu tài sản đối với bị cáo là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xử lý vật chứng của vụ án:

Áp dụng điểm a, b, c khoản 1 Điều 47/BLHS; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106/BLTTHS: Tịch thu, tiêu hủy 1,61 gam Heroine (đã trừ mẫu gửi giám định) và 03 mảnh nilon màu hồng; Tịch thu (truy thu) sung ngân sách nhà nước 100.000 đồng của bị cáo Quàng Văn T.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, màu xanh đen bạc, BKS 27B2-264.93: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; lời khai của bị cáo Quàng Văn T và lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lò Thị K, bà Quàng Thị T2 thì chiếc xe máy trên bà K mua năm 2021 với giá 20 triệu đồng. Số tiền mua xe là do con gái Quàng Thị T2 cho bà K, bị cáo T khi đó không có nhà, không có đóng góp tiền trong việc mua xe. Căn cứ khoản 1 Điều 43 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xác định đây là tài sản riêng của bà Lò Thị K trong thời kỳ hôn nhân do con gái Quàng Thị T2 tặng cho riêng. Bà K không biết việc bị cáo T sử dụng xe máy để phạm tội. Áp dụng khoản 2 Điều 47/BLHS; điểm b khoản 3 Điều 106/BLTTHS: Trả lại 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, màu xanh đen bạc, BKS 27B2-264.93 cho bà Lò Thị K.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm:

Bị cáo Quàng Văn T thuộc hộ nghèo, là đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Tại phiên tòa, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Căn cứ khoản 2 Điều 136/BLTTHS; Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 09/01/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Điện Biên; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Quàng Văn T.

[8] Các vấn đề khác:

Đối với người đàn ông bán ma túy cho bị cáo T do bị cáo không biết họ tên, địa chỉ, Cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra làm rõ nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã tiến hành xác minh đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo. Kết quả test kiểm tra nước tiểu, bị cáo Thiên dương T5 với chất ma túy. Qua xác minh, bị cáo không thuộc trường hợp quy định tại Điều 256a Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025. Ngày 02/04/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bị cáo Quàng Văn T hình thức Cảnh cáo về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Quảng Văn T1 mua Heroine của T và đã sử dụng hết, không có căn cứ để xác định khối lượng Heroine. Quảng Văn T1 không thuộc trường hợp quy định tại Điều 256a Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025. Ngày 02/04/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Quảng Văn T1 hình thức Cảnh cáo về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Điện Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Quảng Văn T phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38/BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025: Xử phạt bị cáo Quảng Văn T 04 (bốn) năm 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (ngày 19/01/2026).

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b, c khoản 1, khoản 2 Điều 47/BLHS; điểm a, b, c khoản 2; điểm b khoản 3 Điều 106/BLTTHS; khoản 1 Điều 43 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014:

- Tịch thu, tiêu hủy 1,61 gam Heroine (đã trừ mẫu gửi giám định) và 03 mảnh nilon màu hồng đã qua sử dụng.

- Tịch thu (truy thu) sung ngân sách nhà nước 100.000 đồng của bị cáo Quảng Văn T.

- Trả lại cho bà Lò Thị K 01 chiếc xe máy nhãn hiệu: HONDA, loại: WAVE α; dung tích: 109cm³; màu sơn: xanh đen bạc; năm sản xuất: 2021; số máy: JA39E 2373340; số khung: RLHJA3928MY253047; gắn biển kiểm soát 27B2-264.93; xe cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong (kèm theo chìa khóa xe).

(Vật chứng đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ chuyển cho Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Điện Biên vào ngày 13/04/2026).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 09/01/2026 của

Ủy ban nhân dân tỉnh Đ phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Điện Biên; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Quàng Văn T.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Bị cáo Quàng Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 07/05/2026).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Lò Thị K, bà Quàng Thị T2 có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án (Ngày 07/05/2026).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Quàng Văn T1 có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- VKSND khu vực 2 - Điện Biên;
- Công an tỉnh Điện Biên (PC04; PV06);
- Bị cáo;
- Phân trại tạm giam M;
- UBND xã N (T/B);
- Phòng THADS khu vực 2 - ĐB;
- Lưu: HSVA; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Ngọc Loan